

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HS-ST
Ngày 19-11-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : ông Trương Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân : ông Tần A Dén và ông Giàng A Gông

- *Thư ký phiên tòa:* ông Thào A Thu- Thư ký TAND huyện T, tỉnh Điện Biên

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:* ông Lò Văn Nhung— Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2024/HS-ST ngày 16/10/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HS ngày 07/11/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Sùng Thị D**- Tên gọi khác: không; Sinh ngày 10/8/2000 tại huyện T, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: thôn S, xã X, huyện T, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Mông; giới tính: nữ; tôn giáo: không, quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Sùng A S- Sinh năm 1977 và bà Vàng Thị M- Sinh năm 1977; Bị cáo có chồng là Giàng A N- sinh năm 1997 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2021. Nhân thân: chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị kết án; Tiền sự: không; Tiền án: không; Tạm giữ, tạm giam: không, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/7/2024 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Sùng Thị D:** bà Hà Thị Thuận- là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt

- Bị hại:

+ ông Lò Văn N- sinh năm 1975; trú tại Bản K, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt

+ ông Lò Văn N1- sinh năm 1967; trú tại Bản K, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ chị Chang Thị P- sinh ngày 28/11/2008; Nơi đăng ký thường trú: Bản H, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: thôn S, xã X, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

+ *Người đại diện hợp pháp của Chang Thị P và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Chang A D1 - sinh năm 1990; Nơi cư trú: Bản H, xã C, huyện N,

tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

+ *Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chang Thị P:* bà Lê Thị Thúy An- là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

- ***Người làm chứng:***

+ ông Giàng A P- sinh năm 1976; trú tại: Bản Hẹ, xã X, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

+ anh Giàng A C - sinh năm 1998; trú tại: Bản Hẹ, xã X, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

- ***Người phiên dịch:*** ông Giàng A Dè- sinh năm 1985; trú tại: tổ dân phố Thành Công, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 24/05/2024, bị cáo Sùng Thị D đi bộ từ thôn S, xã X, huyện T vào khu vực H thuộc thôn Bản G, xã M, huyện T để đi tìm cây sâm đất, khi bị cáo đi đến khu vực H thì gặp em dâu họ của bị cáo là Chang Thị P đang chăn trâu ở đó, bị cáo rủ Chang Thị P cùng bị cáo đi tìm sâm đất, chị P đồng ý và cùng đi với bị cáo.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, bị cáo và chị P nhìn thấy 01 đàn dê có 07 con dê đang ăn cỏ ở một mảnh nương bỏ hoang, thấy không có người trông coi đàn dê, bị cáo đã nảy sinh ý định bắt trộm dê mang về nhà nuôi, lúc này bị cáo nói với P là bắt mỗi người một con dê dắt về nuôi làm giống, P đồng ý, sau đó bị cáo đã tháo dây vải từ dây tạp dề trên người và xé thành 02 dây, rồi bị cáo đưa 01 dây cho P, bị cáo dùng một đầu dây thắt nút bắt được và buộc vào sừng 01 con dê cái lông màu nâu- đen- trắng, dưới bụng có lông màu trắng, sừng dài 18 cm, sau đó bị cáo và P cùng nhau bắt tiếp 01 con dê cái lông màu đen- trắng, sừng dài 16 cm, sau khi bắt và buộc dây vào sừng con dê, Bị cáo và P dắt mỗi người 01 con dê, đi bộ theo đường mòn thì 05 dê còn lại trong đàn cũng đi theo.

Đến khoảng 00 giờ ngày 25/5/2024 về đến đầu thôn S, xã X, huyện T thì bị cáo dùng đầu dây vải còn lại buộc tiếp 01 con dê cái sừng dài 12 cm, còn P cũng dùng đầu dây vải còn lại buộc thêm 01 con dê cái sừng dài 11 cm, mục đích buộc dắt thêm là để các con dê nhỏ trong đàn cùng đi theo, rồi bị cáo và P mỗi người dắt 02 dê cái tiếp tục đi về, các con dê còn lại đi theo sau.

Khi bị cáo và P dắt dê đi thêm được một đoạn đường thì gặp anh Giàng A C đang đi tìm dê, anh Công yêu cầu bị cáo và P dừng lại để kiểm tra đàn dê, anh C có hỏi là đàn dê là của ai thì bị cáo và P trả lời là đàn dê là của bị cáo và P. Sau đó bị cáo và P bỏ dê lại rồi bỏ chạy nhưng đã bị đuổi theo giữ lại, sau đó có anh Giàng A P, anh Lò Văn N1 và Lò Văn N đến kiểm tra đàn dê, anh N1 và anh N nhận ra 07 con dê mà hai người dắt trong đó có 01 con dê là của anh N1 và 06 con dê là của anh N, anh N1 và anh N đã trình báo vụ việc lên cơ quan Công an huyện T.

Vật chứng cơ quan điều tra đã thu giữ và cân xác định khối lượng gồm:

- 07 con dê còn sống, trong đó: 01 con dê cái, lông màu nâu đen trắng, sừng dài 18 cm, khối lượng 47 kg; 01 con dê cái, lông màu đen trắng, sườn bên trái gần chân trước trái + chân trước trái có lông màu trắng, sừng dài 16 cm, khối lượng 36 kg; 01 con dê cái, lông màu đen, một chân phía bên phải 1/2 phần dưới có lông màu trắng, sừng dài 12 cm, khối lượng 25 kg; 01 con dê cái, lông màu nâu, trên sừng lưng có lông đen, phần đầu có lông màu trắng, sừng dài 11 cm, khối lượng 22 kg; 01 con dê cái, lông màu nâu đen, dưới bụng có lông màu trắng, sừng dài 05 cm, khối lượng 12 kg; 01 con dê đực, lông màu nâu đen, dưới bụng có lông màu trắng, sừng dài 03 cm, khối lượng 8,5 kg; 01 con dê cái, lông màu đen, trên đầu có hai viền trắng, sừng dài 06 cm, khối lượng 15,5 kg;

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO A16K màu xanh đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng;

- 03 đoạn dây bằng vải màu xanh tím một đầu của các dây được thắt nhiều nút buộc chum vào nhau bằng 01 sợi dây dù màu đen, trong đó có 01 dây dài 1,47m và có nút thắt ở phía cuối dây; 01 dây dài 1,6m có buộc nút thắt ở phía cuối và tạo vòng tròn kín; 01 dây dài 2,08m có buộc nút thắt ở phía cuối dây tạo vòng tròn kín.

- 01 đoạn dây bằng vải màu xanh tím dài 1,73m trên đoạn dây có 05 nút thắt, một đầu của dây có hình vòng tròn khép kín.

Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 28/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T đã kết luận: Giá thị trường tại thời điểm tháng 5/2024 của 07 con dê như sau: 01 con dê cái khối lượng 47kg có giá là $47\text{kg} \times 110.000\text{đ} = 5.170.000\text{đ}$; 01 con dê cái khối lượng 36kg có giá là $36\text{kg} \times 110.000\text{đ} = 3.960.000\text{đ}$; 01 con dê cái khối lượng 25kg có giá là $25\text{kg} \times 110.000\text{đ} = 2.750.000\text{đ}$; 01 con dê cái khối lượng 22kg có giá là $22\text{kg} \times 110.000\text{đ} = 2.420.000\text{đ}$; 01 con dê cái khối lượng 12kg có giá là $12\text{kg} \times 110.000\text{đ} = 1.320.000\text{đ}$; 01 con dê đực khối lượng 8,5kg có giá là $8,5\text{kg} \times 130.000\text{đ} = 1.105.000\text{đ}$; 01 con dê cái khối lượng 15,5kg có giá là $15,5\text{kg} \times 110.000\text{đ} = 1.705.000\text{đ}$;

Tổng cộng giá trị 07 con dê tại thời điểm tháng 5/2024 là 18.430.000 đ (mười tám triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng)

Các Bị hại ông Lò Văn N và Lò Văn N1 có lời khai phù hợp với lời khai của Bị cáo về thời gian, địa điểm bị mất tài sản và đặc điểm tài sản bị chiếm đoạt, các Bị hại đã nhận lại tài sản và yêu cầu Bị cáo và chị P phải bồi thường tiền công tìm kiếm, thuê xe chở dê đi lại, chi phí chăn dắt dê tổng cộng 10.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường 5.000.000đ, gia đình Chang Thị P đã bồi thường 5.000.000 đồng cho các bị hại (trong đó bồi thường cho ông N là 7.000.000đ, bồi thường cho ông N1 là 3.000.000đ), các Bị hại đã nhận đủ, không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Cáo trạng số 46/CT-VKSHTC ngày 14/10/2024 của VKSND huyện T đã truy tố bị cáo Sùng Thị D về tội trộm cắp tài sản, tại phiên tòa đại diện VKSND huyện T giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1,2 điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt

bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, về bồi thường thiệt hại đề nghị công nhận bị cáo đã bồi thường xong cho Bị hại; Về vật chứng đề nghị công nhận quyết định xử lý vật chứng của cơ quan điều tra về việc trả lại 07 con dê cho các Bị hại, đề nghị tịch thu tiêu hủy các đoạn dây bằng vải, trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động; đề nghị miễn án phí hình sự cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Sùng Thị D nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo, đề nghị HĐXX xem xét về điều kiện hoàn cảnh của bị cáo, bị cáo sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, không được đi học, trình độ hiểu biết pháp luật hạn chế, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường toàn bộ theo yêu cầu của Bị hại; bị cáo có ông, bà là người có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến, bị cáo còn có 03 con nhỏ chưa thành niên đang ở nhà; đề nghị HĐXX áp dụng cho Bị cáo các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b,i,s khoản 1 và khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự và áp dụng điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa Bị cáo, các bị hại giữ nguyên ý kiến như lời khai tại cơ quan điều tra; Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì sau khi nghe luận tội của Viện kiểm sát và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chang Thị P và người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng xét những người này đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 và 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Qua lời khai của Bị cáo, Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ được làm rõ tại phiên tòa đã xác định được:

Gia đình bị cáo Sùng Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chang Thị P không nuôi dê, chỉ vì muốn có dê để nuôi nhưng do không chăm lo lao động sản xuất tạo thu nhập kiếm tiền mua dê, nên ngày 24/5/2024 khi bị cáo và Chang Thị P đang đi tìm củ sâm đất trên rừng, phát hiện thấy đàn dê chăn thả trên nương không có người trông giữ, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt dê về để nuôi, sau khi trao đổi với Chang Thị P, bị cáo cùng P đã dùng dây buộc và dắt đàn dê 07 con, trong đó có 06 con của ông Lò Văn N và 01 con của ông Lò Văn N1, trên đường hai người đang dắt dê về nhà đã bị phát hiện và thu giữ.

Lời khai của Bị cáo phù hợp với lời khai của Bị hại xác nhận thời gian, địa điểm mất tài sản, đặc điểm của tài sản bị chiếm đoạt, phù hợp với các vật chứng cơ quan điều tra đã thu giữ, kết quả khám nghiệm hiện trường, biên bản nhận dạng vật chứng, Kết luận định giá tài sản, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của những người làm chứng chứng kiến khi bắt quả tang bị cáo.

Như vậy có đủ cơ sở để xác định bị cáo đã lợi dụng lúc chủ sở hữu sơ hở trong việc quản lý tài sản, đã cùng Chang Thị P lén lút dắt 07 con dê của Bị hại Lò Văn N và Lò Văn N1 đang thả nuôi trên rừng với mục đích mang về nuôi cho gia đình, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt theo kết luận định giá là 18.430.000 đồng, Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo Sùng Thị D đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, VKSND huyện T truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ

Bị cáo thực hiện với động cơ mục đích phạm tội giản đơn, chỉ muốn bắt trộm dê để về nuôi, vụ án không có đồng phạm do Chang Thị P chưa đủ tuổi truy cứu trách nhiệm hình sự.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình Điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường toàn bộ theo yêu cầu của các Bị hại, nên cần áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có ông nội, ông ngoại, bà ngoại là người có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự, ngoài ra các Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 51 và 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, bị cáo đang nuôi con nhỏ (con nhỏ nhất sinh năm 2021), đã nhận thức được lỗi lầm và bồi thường thiệt hại cho các bị hại, bị cáo còn trẻ có khả năng tự cải tạo và không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nên thấy không cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam, mà áp dụng điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và giao cho chính quyền địa P cùng gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo ý thức chấp hành pháp luật, cũng như tạo điều kiện để bị cáo sửa chữa lỗi lầm.

[4] Đối với Chang Thị P sinh ngày 28/11/2008, tính đến ngày thực hiện hành vi trộm cắp dê (ngày 24/5/2024) Chang Thị P được 15 tuổi 05 tháng 26 ngày, là

người dưới 16 tuổi, nên không phạm tội theo khoản 2 điều 12 của Bộ luật hình sự, vì vậy Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Căn cứ vào biên bản xác minh tài sản của cơ quan điều tra và qua tranh tụng tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có tài sản gì giá trị; bị cáo không có việc làm và thu nhập thường xuyên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Bồi thường dân sự:

Trong giai đoạn điều tra bị cáo, gia đình Chang Thị P và các Bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại tổng số tiền 10.000.000 đồng, các Bị hại đã nhận đủ số tiền và không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử công nhận bị cáo và Chang Thị P đã bồi thường xong cho các Bị hại.

[7] Xử lý vật chứng:

Đối với 07 con dê Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp với quy định, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với các đoạn dây vải dùng để buộc dê là công cụ, P tiện phạm tội và là vật không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động thu giữ của bị cáo xét không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo là dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ cận nghèo nên miễn toàn bộ án phí cho bị cáo theo điểm đ khoản 1 điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, VKSND huyện trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên !

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự,

1. Tuyên bố: Bị cáo Sùng Thị D phạm tội: Trộm cắp tài sản

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 38; khoản 1, khoản 2 điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Sùng Thị D 01 (một) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm kể ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/11/2024).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Điện Biên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát và giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm d khoản 1 điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

2. Bồi thường dân sự: Áp dụng điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự.

Công nhận bị cáo Sùng Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chang Thị P đã bồi thường xong cho các Bị hại tổng số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), các Bị hại đã nhận đủ.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a,c khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Công nhận quyết định xử lý vật chứng của cơ quan Cảnh sát điều tra về việc trả lại 07 con dê cho chủ sở hữu hợp pháp.

- Tịch thu tiêu hủy:

- + 03 đoạn dây bằng vải màu xanh tím một đầu của các dây được thắt nhiều nút buộc chum vào nhau bằng 01 sợi dây dù màu đen, trong đó có 01 dây dài 1,47m và có nút thắt ở phía cuối dây; 01 dây dài 1,6m có buộc nút thắt ở phía cuối và tạo vòng tròn kín; 01 dây dài 2,08m có buộc nút thắt ở phía cuối dây tạo vòng tròn kín.

- + 01 đoạn dây bằng vải màu xanh tím dài 1,73m trên đoạn dây có 05 nút thắt, một đầu của dây có hình vòng tròn khép kín.

- Trả lại cho bị cáo Sùng Thị D: 01 (Một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO A16K màu xanh đen.

Số vật chứng trên cơ quan Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan điều tra Công an huyện và Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

4. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Kháng cáo: Áp dụng các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình. Thời hạn kháng cáo đối với người có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên

án, đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an huyện;
- CQTHAHS huyện, tỉnh;
- TAND tỉnh; Sở Tư Pháp;
- THADS huyện;
- Bị cáo, Bị hại; NCQLNVLQ và người đại diện hợp pháp; NBC, người bảo vệ quyền lợi cho NCQLNVLQ;
- Lưu HSVA, HSTHA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trương Anh Tuấn